

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24-4-2018

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Mạnh
Bà Trần Thị Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Kiều Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2018/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXX - ST ngày 10 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T – Sinh năm: 1990;

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quyết A – Sinh năm: 1987;

Đều ĐKKHKT (Cư trú): Thôn X, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.
(Chị T, anh A có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày như sau:

Chị và anh Nguyễn Quyết A tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào ngày 05-10-2012, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn anh chị đều làm việc tại thành phố Hà Nội nhưng vẫn thường xuyên đi về sống chung với bố mẹ chồng tại thôn X, xã L. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc, hòa thuận với nhau đến tháng 7 năm 2015 thì chị phát hiện ra anh A có quan hệ nam nữ bất chính và có con riêng với người phụ nữ khác. Chị đã nhiều lần khuyên bảo và tha thứ cho anh A nhưng anh A không sửa chữa, không thay đổi mà vẫn tiếp tục liên lạc với người phụ nữ đó, vợ chồng thường xuyên va chạm cãi chửi nhau. Chị và anh A đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 4 năm 2017 đến nay. Nay

chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị không còn niềm tin với anh A, vợ chồng chị không thể đoàn tụ. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quyết A.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia B – Sinh ngày 30-9-2013. Hiện nay cháu đang ở cùng nhà với ông bà nội tại thôn X, xã L. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu B và yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Về điều kiện nuôi con: Chị đang làm kế toán tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thiết bị y tế vật tư khoa học kỹ thuật H tại Hà Nội, mức lương bình quân 9.000.000 đ/tháng. Chị đang thuê nhà tại xã Y, huyện Z, thành phố Hà Nội. Hàng ngày chị đi làm từ 08 giờ đến 17 giờ 30 phút, chị có đủ thời gian để chăm sóc con. Nếu được nuôi con chị sẽ cho con đi học tại trường mầm non và sống tại Hà Nội. Chị cam đoan có đủ điều kiện nuôi con cả về vật chất và tinh thần, đảm bảo việc nuôi dạy con phát triển tốt nhất. Chị T giao nộp cho Tòa án Hợp đồng lao động và hợp đồng thuê nhà.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và các vấn đề khác có liên quan: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Quyết A trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào ngày 05-10-2012. Sau khi kết hôn cuộc sống gia đình vẫn diễn ra bình thường, anh chị làm việc ở Hà Nội nhưng vẫn đi lại và sống cùng nhau tại nhà của bố mẹ anh ở thôn X, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định. Tuy nhiên, từ tháng 4 năm 2017 đến nay, vợ chồng anh đã sống ly thân và không ăn ngủ với nhau. Nguyên nhân là do chị T nghi ngờ anh có quan hệ ngoại tình và có con riêng với người phụ nữ khác, dẫn đến việc vợ chồng cãi chửi nhau, chị T đã vứt quần áo của anh ra ngoài và đuổi anh đi. Nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý, anh mong muốn chị T suy nghĩ để vợ chồng quay về đoàn tụ, cùng nhau làm ăn và nuôi dạy con chung.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Nguyễn Gia B – Sinh ngày 30-9-2013. Hiện nay cháu B đang ở cùng với bố mẹ anh tại thôn X, xã L. Nếu ly hôn anh xin được nuôi cháu B và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về điều kiện nuôi con: Anh đang làm lái xe khách tuyến Hải Hậu – Giáp Bát, Hà Nội, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ, hàng ngày anh đi làm từ 07 giờ sáng đến 17 giờ 30 phút. Nếu được nuôi con anh sẽ ở cùng con tại nhà bố mẹ để anh tại thôn X, xã L, anh cam đoan sẽ đảm bảo việc nuôi dạy con phát triển tốt nhất. Do anh làm tự do nên không có cơ quan nào xác nhận cho anh về khoản thu nhập, vì vậy anh không có tài liệu chứng cứ gì nộp cho Tòa án.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Anh không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/4/2018, ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị N là bố mẹ đẻ của anh A xác nhận: Khoảng tháng 2 năm 2017 có một người phụ nữ và cháu bé về nhà ông bà giới thiệu là quan hệ với anh A và có con với anh A, từ đó ông bà mới biết anh A có con riêng. Khoảng hơn một năm nay anh A và chị T

thường xuyên mâu thuẫn, cãi chửi nhau, anh chị sống ly thân, cứ khi nào chị T về thăm con thì anh A lại ra khỏi nhà.

* Theo biên bản thu thập chứng cứ ngày 16/3/2018, đại diện thôn X và xã L cung cấp: Vợ chồng anh A, chị T đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã L ngày 05/10/2012. Sau khi kết hôn anh chị thường xuyên đi về chung sống tại nhà bố mẹ chồng. Khoảng hơn một năm nay địa phương nghe nói anh A, chị T xảy ra mâu thuẫn, còn cụ thể mâu thuẫn như thế nào địa phương không biết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Quyết A.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 30-9-2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Buộc anh Nguyễn Quyết A phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T mỗi tháng 1.300.000đ kể từ tháng 5 năm 2018 cho đến khi cháu B thành niên, có khả năng lao động tự lập được.

+ Về tài sản, công nợ và các nội dung khác: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải nộp án phí ly hôn, anh A phải nộp án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Quyết A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 05-10-2012, nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh A có quan hệ nam nữ bất chính và có con riêng với người phụ nữ khác, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, anh chị sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 4 năm 2017 đến nay. Mặc dù anh A không thừa nhận có quan hệ nam nữ bất chính và có con riêng nhưng bố mẹ đẻ của anh cũng xác nhận anh có quan hệ bất chính và có con riêng với người phụ nữ khác. Anh A không đồng ý ly hôn và xin đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, trong khi đó chị T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn vì chị không còn tình cảm, không còn niềm tin với anh A. Xét thấy anh A đã vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vi phạm nghĩa vụ thương yêu, chung thủy với nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T, giải quyết cho chị ly hôn với anh A là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 30-9-2013, nay anh chị đều có yêu cầu nuôi con chung.

Xét chị T có việc làm và thu nhập ổn định, đủ điều kiện về vật chất và tinh thần để nuôi con, chị giao nộp đầy đủ các tài liệu chứng cứ cho Tòa án nên được chấp nhận. Còn anh A lao động tự do, anh khai thu nhập mỗi tháng từ 15 đến 20 triệu đồng nhưng anh không giao nộp tài liệu chứng cứ gì để chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Nguyễn Gia B cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Về mức cấp dưỡng, do không có căn cứ xác định mức thu nhập thực tế của anh A hiện nay là bao nhiêu nên buộc anh A cấp dưỡng nuôi con theo mức lương cơ bản tại thời điểm hiện nay (1.300.000đ/tháng) là phù hợp.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn, anh A phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Quyết A.

2. Con chung: Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 30-9-2013 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Quyết A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng) kể từ tháng 5 năm 2018 cho đến khi cháu B đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được.

Anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng anh A không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số BB/2012/09746 ngày 10-01-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V mà chị T đã nộp được đối trừ. Như vậy chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Nguyễn Quyết A phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Quyết A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Tiến Dũng